TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/DS-ST
Ngày 26-6-2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân;

2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Vinh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2019/TLST-DS ngày 04-01-2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2019/QĐXXST-DS ngày 26-4-2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (viết tắt là S).

Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 đường N, phường , quận , thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Đức Thạch D, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng Giám đốc).

- Ông Nguyễn Quang T; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Q, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 3966/2018/GUQ-PL ngày 10-12-2018).

- Ông Nguyễn Quang T uỷ quyền lại cho:

+ Bà Nguyễn Thị T; chức vụ: Trưởng Phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP S– Chi nhánh Q (Văn bản uỷ quyền số 255/2018/GUQ-CNQNI ngày 29-12-2018).

+ Ông Phạm Quốc D; chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng TMCP S– Chi nhánh Q (Văn bản uỷ quyền số 78/2019/GUQ-QNI ngày 09-5-2019). Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1979

Địa chỉ: Đội 2, thôn P, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30-11-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02-8-2017, S - Chi nhánh Q cho bà Nguyễn Thị D vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 01142-00141, thời hạn vay là 11 tháng, mục đích để bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất cho vay là 1,35%/ tháng; nợ gốc và lãi trả hàng ngày, tiền gốc mỗi kỳ là 174.100 đồng, kỳ cuối là 146.100 đồng.

Trong quá trình trả nợ vay bà Nguyễn Thị D trả được số tiền gốc là 22.136.600 đồng và 3.263.400 đồng lãi trong hạn, sau đó vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng đã ký với S - Chi nhánh Q nên toàn bộ nợ vay của bà D đã chuyển sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 26-6-2019, bà D còn nợ S tổng số tiền 35.435.119đồng, trong đó nợ gốc là 27.863.400 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 4.148.700 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.423.019 đồng.

Nay S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị D trả cho S số tiền nợ nêu trên và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27-6-2019 cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị D không có văn bản trình bày ý kiến.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bà D không đến Tòa án làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử và không có văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, yêu cầu khởi kiện của S và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo hợp đồng tín dụng số 01142-00141 và Giấy lĩnh tiền cùng ngày 02-8-2017 thể hiện bà Nguyễn Thị D có vay của S – Chi nhánh Q số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 11 tháng, mục đích để bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất cho vay là 1,35%/ tháng; nợ gốc và lãi trả hàng ngày, tiền gốc mỗi kỳ là là 174.100 đồng, kỳ cuối là 146.100 đồng.

Theo bảng kê chi tiết lịch sử trả nợ khoản vay do S cung cấp cho Tòa án thể hiện trong quá trình vay vốn bà Nguyễn Thị D chỉ thanh toán được số tiền gốc là 22.136.600 đồng và 3.263.400 đồng lãi trong hạn, bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với S nên toàn bộ khoản vay của bà D đã chuyển sang nợ quá hạn. Vì vậy, có cơ sở xác định bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với S nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho S số tiền tính đến ngày 26-6-2019 là 35.435.119 đồng, trong đó nợ gốc là 27.863.400 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.148.700 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.423.019 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 27-6-2019 cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

[3] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của S nên bà Nguyễn Thị D phải chịu 1.772.000 đồng (35.435.119đồng x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn là S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, 244, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S: Buộc bà Nguyễn Thị D phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền là 35.435.119 đồng, trong đó nợ gốc là 27.863.400 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.148.700 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.423.019 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, chi nhánh Q.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 1.772.000đ (Một triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 857.000 đ (Tám trăm, năm mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000311 ngày 02-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *VKSND TP. Q;*
- *Chi cục THADS TP. Q;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Hồng Hoa